Danh Sách Sinh Viên Tốt Nghiệp hệ Vừa làm Vừa học đợth tahnsg 4/2019

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành	ĐT	Điểm TB	TCTL	Xếp loại
1	AG1332M194	Trần Quốc Qui	26/03/1988		AG1332M2	Luật		M	2.09	125	Trung bình
2	AG1332M204	Huỳnh Ngọc Thảo	18/08/1990	N	AG1332M2	Luật		M	2.32	122	Trung bình
3	CB1232N014	Nguyễn Thế Di	16/03/1992		CB1232N2	Luật		N	2.01	122	Trung bình
4	CB1332N088	Huỳnh Công Hội	25/10/1985		CB1332N1	Luật		N	2.19	122	Trung bình
5	CB1332N170	Phạm Quang Thoại	19/11/1991		CB1332N1	Luật		N	2.06	126	Trung bình
6	CB1432M588	Nguyễn Quốc Trạng	08/02/1993		CB1432M1	Luật		M	2.08	139	Trung bình
7	CD1232M182	Nguyễn Đinh Quốc Việt	13/02/1994		CD1232M2	Luật		M	2.26	123	Trung bình
8	CD1432M031	Lê Văn Kính	1983		CD1432M1	Luật		M	2.13	138	Trung bình
9	CD1620K052	Đinh Kim Yến	08/11/1991	N	CD1620K1	Kế toán		K	2.76	56	Khá
10	CK15X7K506	Tô Hoàng Quyên	27/07/1994	N	CK1622K1	Quản trị kinh doanh		K	2.54	56	Khá
11	CM1332N085	Huỳnh Thị Mơ	1994	N	CM1332N1	Luật		N	2.22	122	Trung bình
12	CT1020M079	Nguyễn Hoàng Nhật Hạ	21/07/1992	N	CT1020M1	Kế toán		M	2.06	123	Trung bình
13	CT1121M114	Lê Hoài Tâm	01/04/1992		CT1121M2	Tài chính - Ngân hàng		M	2	120	Trung bình
14	CT1122M035	Trần Ngọc Nhi	20/08/1992	N	CT1122M1	Quản trị kinh doanh		M	2.03	122	Trung bình
15	CT1122M063	Trần Đặng Quang Vinh	05/10/1986		CT1122M1	Quản trị kinh doanh		M	2.03	120	Trung bình
16	CT1132M065	Vũ Thị Hằng	09/04/1984	N	CT1132M1	Luật		M	2.33	127	Trung bình
17	CT1232N006	Huỳnh Hải Âu	18/07/1993		CT1232N1	Luật		N	2.08	125	Trung bình
18	CT1232N055	Lê Trần Chí Linh	1989		CT1232N1	Luật		N	2.03	122	Trung bình
19	CT1232N069	Nguyễn Văn Nghiêm	30/01/1993		CT1232N1	Luật		N	2.12	123	Trung bình
20	CT1320M051	Tô Thùy Trâm	16/07/1995	N	CT1320M1	Kế toán		M	2.05	122	Trung bình
21	CT1332N088	Ngô Hồng Thạnh	26/01/1988		CT1332N1	Luật		N	2.04	122	Trung bình

22	CT1432M598	Hồng Quốc Sử	01/01/1995		CT1432M2	Luật		M	2.03	139	Trung bình
23	CT14V1M528	Phan Huỳnh Khánh Vy	09/08/1996	N	CT14V1M1	Ngôn ngữ Anh		M	2.36	142	Trung bình
24	CT1532Q010	Nguyễn Phúc Khang	28/07/1992		CT1532Q1	Luật		Q	2.54	99	Khá
25	DA1432N502	Nguyễn Huỳnh Mai Anh	16/03/1996	N	DA1432N1	Luật		N	2.2	139	Trung bình
26	DA1432N514	Lê Thị Kim Chi	15/11/1991	N	DA1432N1	Luật		N	2.58	139	Khá
27	DA1432N518	Hà Thị Kim Cúc	1984	N	DA1432N1	Luật		N	2.03	139	Trung bình
28	DA1432N520	Vỏ Chí Cường	16/08/1996		DA1432N1	Luật		N	2.42	139	Trung bình
29	DA1432N521	Đinh Văn Dự	1984		DA1432N1	Luật		N	2.31	139	Trung bình
30	DA1432N530	Nguyễn Thị Trang Đài	15/12/1992	N	DA1432N1	Luật		N	2.12	139	Trung bình
31	DA1432N545	Lương Thị Hiền	1987	N	DA1432N1	Luật		N	2.65	139	Khá
32	DA1432N549	Trần Thị Hoa	01/01/1995	N	DA1432N1	Luật		N	2.25	139	Trung bình
33	DA1432N552	Nguyễn Thanh Hồng	09/01/1993		DA1432N1	Luật		N	2.05	139	Trung bình
34	DA1432N558	Nguyễn Hữu Hùng	12/08/1978		DA1432N1	Luật		N	2.34	145	Trung bình
35	DA1432N565	Trần Thiện Khâm	09/06/1989		DA1432N1	Luật		N	2.23	147	Trung bình
36	DA1432N569	Huỳnh Tuấn Kiệt	1992		DA1432N1	Luật		N	2.42	139	Trung bình
37	DA1432N582	Huỳnh Thị Mỹ Linh	1986	N	DA1432N1	Luật		N	2.39	142	Trung bình
38	DA1432N593	Nguyễn Tấn Mãi	10/11/1984		DA1432N1	Luật		N	2.07	139	Trung bình
39	DA1432N599	Lê Thị Huyền Nga	30/12/1992	N	DA1432N1	Luật		N	2.43	139	Trung bình

40	DA1432N608	Nguyễn Văn Nhi	05/06/1992		DA1432N1	Luật		N	2.45	139	Trung bình
41	DA1432N624	Nguyễn Ngọc Phước	18/10/1991		DA1432N1	Luật		N	2.07	139	Trung bình
42	DA1432N627	Dương Thị Mỹ Phượng	30/10/1989	N	DA1432N1	Luật		N	2.49	139	Trung bình
43	DA1432N645	Nguyễn Thanh Tâm	13/05/1990		DA1432N1	Luật		N	2.05	139	Trung bình
44	DA1432N648	Trần Bé Tâm	09/09/1975		DA1432N1	Luật		N	2.09	139	Trung bình
45	DA1432N659	Nguyễn Phước Thanh	31/01/1992		DA1432N1	Luật		N	2.13	139	Trung bình
46	DA1432N664	Nguyễn Thị Thu Thảo	05/02/1985	N	DA1432N1	Luật		N	2.43	138	Trung bình
47	DA1432N671	Trần Ngọc Thơ	14/10/1991		DA1432N1	Luật		N	2.3	141	Trung bình
48	DA1432N691	Lê Lan Thùy Trang	25/12/1991	N	DA1432N1	Luật		N	2.39	139	Trung bình
49	DA1432N693	Trần Thị Thùy Trang	19/10/1989	N	DA1432N1	Luật		N	2.4	139	Trung bình
50	DA1432N694	Cao Hữu Trí	18/11/1980		DA1432N1	Luật		N	2.34	138	Trung bình
51	DA1432N698	Võ Minh Triệu	11/01/1987		DA1432N1	Luật		N	2.22	139	Trung bình
52	DA1432N704	Nguyễn Thanh Trúc	1984		DA1432N1	Luật		N	2.36	139	Trung bình
53	DA1432N720	Nguyễn Thanh Tùng	01/06/1988		DA1432N1	Luật		N	2.32	139	Trung bình
54	DA1432N724	Trần Thị Bạch Tuyết	1987	N	DA1432N1	Luật		N	2.04	139	Trung bình
55	DA1432N728	Nguyễn Thành Vinh	15/02/1995		DA1432N1	Luật		N	2.23	139	Trung bình
56	DC1332M121	Trần Ngọc Khánh Vy	15/12/1995	N	DC1332M1	Luật		M	2.02	122	Trung bình
57	DC1432M015	Nguyễn Hữu Đức	25/09/1995		DC1332M1	Luật		M	2.03	130	Trung bình

58	DC1422N505	Nguyễn Thị Cẩm Loan	12/09/1988	N	DC1422M1	Quản trị kinh doanh		M	2.3	140	Trung bình
59	DC1432M577	Nguyễn Thị Kiêm Sang	03/04/1996	N	DC1432M1	Luật		M	2.1	139	Trung bình
60	DC14X3M503	Vương Ngọc Hân	26/12/1996	N	DC14X3M1	Giáo dục Tiểu học		M	2.9	140	Khá
61	DC14X6M534	Khưu Hoàng Gia Tuấn	30/06/1995		DC14X6M1	Giáo dục thể chất		M	3.03	150	Khá
62	DC1532H558	Võ Thanh Tâm	02/03/1989		DC1532H1	Luật		H	2.52	99	Khá
63	DC1622K030	Nguyễn Hữu Tín	06/06/1995		DC1622K1	Quản trị kinh doanh		K	2.45	56	Trung bình
64	DC1622K032	Ngô Thu An	03/11/1994	N	DC1622K1	Quản trị kinh doanh		K	2.38	56	Trung bình
65	DC1622K036	Võ Thị Cẩm Ngọc	14/07/1993	N	DC1622K1	Quản trị kinh doanh		K	2.01	56	Trung bình
66	DG1332N050	Trần Trình Ứng Khâm	11/10/1995		DG1332N1	Luật		N	2.13	125	Trung bình
67	DG1632H001	Huỳnh Tuấn Anh	16/11/1987		DG1632H1	Luật		H	2.33	99	Trung bình
68	GC1432Q137	Trương Hoàng Vũ	22/01/1981		GC1432Q1	Luật		Q	2.15	99	Trung bình
69	GC1532Q001	Phạm Tuấn Anh	07/05/1981		GC1532Q1	Luật		Q	2.17	99	Trung bình
70	GC1532Q083	Trần Bích Ngọc	05/09/1991	N	GC1532Q1	Luật		Q	2.23	99	Trung bình
71	GC1632H046	Phạm Hồng Lượng	20/09/1984	N	GC1632H1	Luật		H	2.33	99	Trung bình
72	GC1632H051	Huỳnh Hồng Nga	08/12/1991	N	GC1632H1	Luật		H	2.31	99	Trung bình
73	GK1332M054	Nguyễn Thanh Nhớ	20/03/1986		GK1332M1	Luật		M	2.01	122	Trung bình
74	GK1332M056	Huỳnh Như	21/06/1986	N	GK1332M1	Luật		M	2.31	122	Trung bình
75	GK1332N059	Châu Trần Phát	10/08/1995		GK1332N1	Luật		N	2.25	124	Trung bình
76	HG15X3P617	Quách Thị Mai	26/03/1990	N	HG15X3P2	Giáo dục Tiểu học		P	2.4	63	Trung bình
77	KG1232N171	Lương Ngọc Giàu	20/12/1992	N	KG1232N2	Luật		N	2.05	122	Trung bình
78	KG1332N547	Phạm Kim Nguyên	28/11/1995	N	KG1332N2	Luật		N	2	124	Trung bình
79	KG1332N606	Đinh Công Linh	24/05/1989		KG1332N3	Luật		N	2.1	122	Trung bình
80	KG1332N703	Nguyễn Đức Anh	29/03/1995		KG1332N3	Luật		N	2.06	122	Trung bình
81	KG1332N764	Thái Cẩm Nhung	24/02/1995	N	KG1332N3	Luật		N	2.07	122	Trung bình

82	KG1332N776	Lê Nhựt Phương	31/08/1993		KG1332N3	Luật		N	2.02	122	Trung bình
83	KG1432M526	Lê Thị Đặng	09/10/1992	N	KG1432M1	Luật		M	2.15	139	Trung bình
84	KG1432M552	Phan Tuyết Khang	20/02/1994	N	KG1432M1	Luật		M	2.12	139	Trung bình
85	KG1432M559	Trần Ngọc Linh	10/12/1996	N	KG1432M1	Luật		M	2.06	139	Trung bình
86	KG1432M614	Trần Thị Mai Thi	19/04/1996	N	KG1432M1	Luật		M	2.24	139	Trung bình
87	KG1432M623	Dương Cẩm Thu	03/02/1995	N	KG1432M1	Luật		M	2.4	139	Trung bình
88	KG1432M632	Lê Thị Cẩm Tiên	17/07/1995	N	KG1432M1	Luật		M	2.15	139	Trung bình
89	KG1432M652	Lưu Vủ	20/01/1990		KG1432M1	Luật		M	2.01	139	Trung bình
90	KG1432Q562	Nguyễn Đức Thịnh	17/02/1988		KG1432Q1	Luật		Q	2.29	99	Trung bình
91	ND1432N513	Nguyễn Tấn Đức	04/07/1991		ND1432N1	Luật		N	2.21	139	Trung bình
92	ND1432N518	Nguyễn Văn Hòa	07/04/1982		ND1432N1	Luật		N	2.19	139	Trung bình
93	ND1532H503	Lê Thành Công	21/03/1983		ND1532H1	Luật		H	2.67	99	Khá
94	ND1532H508	Nguyễn Đăng Định	20/02/1979		ND1532H1	Luật		H	2.4	99	Trung bình
95	ND1532H515	Trần Kim Huệ	22/07/1985	N	ND1532H1	Luật		H	2.52	99	Khá
96	ND1532H519	Lê Nhật Linh	15/01/1991		ND1532H1	Luật		H	2.56	99	Khá
97	ND1532H527	Trần Lâm Trúc Quỳnh	27/04/1992	N	ND1532H1	Luật		H	2.52	99	Khá
98	ND1532H542	Trần Minh Tường	25/02/1986		ND1532H1	Luật		H	2.45	99	Trung bình
99	ST1432M178	Lê Thanh Hải	1977		ST1432M2	Luật		M	2.23	139	Trung bình
100	ST1432M186	Nguyễn Hoàng Hiện	08/02/1985		ST1432M2	Luật		M	2.2	139	Trung bình
101	ST1432M214	Lưu Thị Thanh Nhàn	25/05/1995	N	ST1432M2	Luật		M	2.1	139	Trung bình
102	ST1432M226	Lê Văn Phố	02/09/1986		ST1432M2	Luật		M	2.08	139	Trung bình
103	ST1432M254	Huỳnh Tấn Thương	11/06/1989		ST1432M2	Luật		M	2.46	144	Trung bình
104	ST1432M388	Trần Thanh Tùng	25/08/1968		ST1432M3	Luật		M	2.12	139	Trung bình
105	ST1432P027	Đinh Duy Khánh	08/09/1993		ST1432P1	Luật		P	2.32	106	Trung bình
106	ST1432P003	Nguyễn Tấn Cần	26/12/1992		ST1432P2	Luật		P	2.9	106	Khá
107	ST1432P138	Trần Bảo Yến	25/04/1988	N	ST1432P2	Luật		P	2.39	106	Trung bình
108	ST1432P212	Sơn Minh Sol	07/03/1983		ST1432P3	Luật		P	2.09	106	Trung bình
109	ST1432Q015	Nguyễn Văn Đỉnh	20/05/1986		ST1432Q1	Luật		Q	2.26	99	Trung bình
110	ST1432Q075	Phạm Văn Tiến	10/08/1987		ST1432Q1	Luật		Q	2.26	99	Trung bình
111	VL1332N075	Nguyễn Hoàng Nguyên	29/09/1995		VL1332N1	Luật		N	2.4	123	Trung bình

112	VT1332N084	Trần Thị Anh Đào	23/07/1981	N	VT1332Q1	Luật		Q	2.34	116	Trung bình
113	VT1532H502	Lê Thị Ngọc Diễm	1977	N	VT1532H1	Luật		H	2.43	99	Trung bình
114	VT1532H519	Trần Quốc Văn	01/05/1986		VT1532H1	Luật		H	2.28	99	Trung bình
115	CK15V7K534	Nguyễn Quang Tường	24/08/1993		CK15V7K1	Công nghệ thông tin		K	2.06	70	Trung bình
116	CT1108M026	Trần Hoàng Thái	14/05/1993		CT1108M1	Công nghệ thực phẩm		M	2.11	120	Trung bình
117	CT1162M005	Đỗ Chí Dũng	04/10/1993		CT1162M1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	M	2.2	135	Trung bình
118	CT1208M046	Trần Thị Thu Tươi	19/04/1993	N	CT1208M1	Công nghệ thực phẩm		M	2.41	122	Trung bình
119	CT1325M043	Phan Phương Hồng Quang	13/02/1995		CT1325M1	Quản lý đất đai		M	2.66	122	Khá
120	CT1473M534	Nguyễn Thị Thủy Tiên	07/02/1995	N	CT1473M1	Bảo vệ thực vật		M	2.53	141	Khá
121	DC1362M030	Trần Công Thanh Phong	01/09/1990		DC1462N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	N	2.65	135	Khá
122	DC1562Q027	Hồ Thanh Tuân	12/11/1990		DC1562Q1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Q	2.8	93	Khá
123	DC16V7K511	Nguyễn Văn Minh	28/02/1987		DC16V7K1	Công nghệ thông tin		K	2.22	70	Trung bình
124	DC17X7K305	Trần Thúy Di	03/09/1996	N	DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	3.17	62	Khá
125	DC17X7K325	Ngô Đình Thái Ngọc	02/06/1994		DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	3.27	62	Giỏi
126	DC17X7K329	Huỳnh Ngọc Như	02/09/1994	N	DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	2.79	62	Khá
127	DC17X7K330	Nguyễn Tố Như	09/09/1995	N	DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	2.76	62	Khá
128	DC17X7K335	Lê Thanh Phúc	19/07/1996		DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	2.81	62	Khá
129	DC17X7K341	Phan Thanh Thảo	29/09/1995		DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	2.54	62	Khá
130	DC17X7K347	Nguyễn Thị Mộng Trinh	18/04/1996	N	DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	2.81	62	Khá
131	DC17X7K353	Bùi Thị Tài Linh	19/03/1992	N	DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	3.02	62	Khá

132	DC17X7K354	Nguyễn Thị Thu Mỹ	09/11/1995	N	DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	2.92	62	Khá
133	DC17X7K357	Lê Hoài Trung	20/11/1994		DC17X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường		K	3.4	62	Giỏi
134	KG1325N032	Ngô Tứ Phương	20/10/1982		KG1325N1	Quản lý đất đai		N	2.38	123	Trung bình
135	VC13X7N015	Nguyễn Văn Dũng	10/11/1972		VC13X7N1	Quản lý tài nguyên và môi trường		N	2.8	126	Khá